

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20 – 9 – 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thái.

2. Ông Trương Văn Nghĩa.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Huỳnh Kim N**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp A, xã P, tỉnh Cà Mau. Nơi ở hiện nay: C-si Jugong-ro 65 326-dong 301-ho 0103599 2008 Jesong Su-hyeon K2 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền (nhận giấy tờ) của nguyên đơn: Anh **Hồ Tấn X**, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Nơi ở hiện nay: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Việt K**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Kim N trình bày:

Bà Huỳnh Kim N và ông Nguyễn Việt K do tìm hiểu và quen biết với nhau, hai bên có tình cảm nên có tổ chức lễ cưới; đến ngày 21-7-2008 thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (cũ). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, dù đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Cuối năm 2017, bà Huỳnh Kim N đi Hàn Quốc làm việc. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Bà N và ông

K đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, cả hai đều không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tình trạng hôn nhân đi vào bế tắc không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng đã có với nhau 02 người con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 23-8-2003 và cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 06-01-2009. Hiện tại, cả 02 con chung đều đang sống cùng với bà N.

Theo đơn khởi kiện, bà Huỳnh Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Việt K.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 23-8-2003, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Yêu cầu giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 06-01-2009 cho bà Huỳnh Kim N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu ông Nguyễn Việt K phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Việt K: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường M, thành phố Cần Thơ; yêu cầu giải quyết về con chung; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Kim N vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Việt K đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà Huỳnh Kim N và ông Nguyễn Việt K đã tự nguyện kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, bà Huỳnh Kim N cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã không còn tình cảm. Mặc dù chưa có bản án, quyết định cho ly hôn nhưng trên thực tế thì vợ chồng đã sống ly thân, thuộc một trong các trường hợp cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định

tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nay một bên khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử giải quyết cho vợ chồng được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Bà Huỳnh Kim N và ông Nguyễn Việt K có 01 con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 06-01-2009, đang sống chung với bà N, tình cảm gắn bó với mẹ, điều kiện sống được đảm bảo. Cháu Nguyễn Anh K1 cũng có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo cho ông Nguyễn Việt K biết yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Huỳnh Kim N. Tuy nhiên, ông Nguyễn Việt K không có ý kiến phản đối hay đưa ra yêu cầu nào khác về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao cháu Nguyễn Anh K1 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Việt K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng cho con chưa thành niên, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ, chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Kim N.

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Kim N và ông Nguyễn Việt K được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 06-01-2009 cho bà Huỳnh Kim N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Việt K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ, chồng khi ly hôn: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Huỳnh Kim N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu án phí, tạm ứng án phí số 0000822 ngày 21-7-2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ;
- UBND xã Phong Thạnh, tỉnh Cà Mau;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm